

BÀI ÔN TẬP MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2

Môn Luyện từ và câu (số 1)

Câu kiểu Ai làm gì?

VD: - Mẹ đang thổi cơm.

- Bé Uyên đi xe đạp ở ngoài sân.

- Bà đang tiếp khách.

Bài tập 1: Gạch chân bộ phận **làm gì?** trong các câu sau:

- a) Cô giáo ôm Chi vào lòng.
- b) Chi cùng bố đến trường cảm ơn cô giáo.
- c) Bố tặng nhà trường một khóm hoa cúc đại đoá màu tím đẹp mê hồn.

Bài tập 2: Viết tiếp các câu theo mẫu *Ai làm gì?*

- a) Mẹ
- b) Chị
- c) Em
- d) Anh chị em
- e) Em nhỏ
- f) Bố mẹ

Bài tập 3: Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào ☐

Thấy mẹ đi chợ về Hà nhanh nhẩu hỏi:

- Mẹ có mua quà cho con không ☐

Mẹ trả lời:

- Có! Mẹ mua rất nhiều quà cho chị em con ☐ Thế con làm xong việc mẹ giao chưa ☐

Hà buồn thiu:

- Con chưa làm xong mẹ ạ ☐

Bài tập 4: Điền vào chỗ trống

a) s hay x

quả .. ầu	ầu xí	ầu cá	Nướcầu
chim ...ẻ	Thợ ...ẻ	e lạnh	...e máy

- ...ời lời trời cho, ...o ro trời co lại
- ...ầy cha còn chú, ...ầy mẹ bú dì.
- ...iêng làm thì có,iêng học thì hay

b) ắt hay ắc

b... thêm	b... đèn	b... khuấy	Sợi b....
m.... ong	m... mùa	quả g....	Gi.... ngủ

- M ... ngọt chết ruồi
- M... của dễ tìm, m.... lòng tin khó kiếm

- Tắc đ..... t.... vàng
- c) ai hay ay
- Tay làm hàm nh....., t.... qu..... miệng trễ.
- Nói h..... hơn h..... nói.

Nói ph..... củ c..... cũng nghe.

Môn LUYỆN TỪ VÀ CÂU (số 2)

Câu kiểu Ai thế nào ?

1. Điền **xinh** hoặc **mới**, hoặc **thẳng**, hoặc **khỏe** vào chỗ trống

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| a) Cô bé rất | c) Quyền vợ còn |
| b) Con voi rất | d) Cây cau rất..... |

2. Viết tiếp các từ :

- a) Chỉ đặc điểm về tính tình của con người : tốt ,

 b) Chỉ đặc điểm về màu sắc của đồ vật : đỏ,

 c) Chỉ đặc điểm về hình dáng của người, vật : cao,

3. Điền từ trái nghĩa với các từ đã cho vào chỗ trống

khôn -	nhANH -	vui -	già -
trắng -	chăm -	sớm -	tối -

4. Viết tiếp các câu theo mẫu **Ai thế nào ?**

Ai (cái gì, con gì)	thế nào ?
Bàn tay cu Tí	nhỏ xíu.
Mái tóc bà em	
Cô giáo em	
Máy bay	
Chiếc cần câu	
Bố em	
Mấy con ngan	

5. Chọn 3 từ chỉ tính chất ở bài 1, đặt câu theo mẫu **Ai thế nào ?**

Ai (cái gì, con gì)	thế nào ?
- Chú chó	rất khôn.
-	
-	
-	

7. Viết các câu tỏ ý khen ngợi theo mẫu :

M : - Ngôi nhà rất đẹp.

- Ngôi nhà đẹp quá !
- Ngôi nhà mới đẹp làm sao
- a) Cô giáo em rất trẻ
- b) Bông hồng kia rất tươi.

Môn LUYỆN TỪ VÀ CÂU (số 3)

1. Điền từ chỉ đặc điểm của mỗi con vật

trâu..... chó..... rùa..... thỏ.....

1. Điền hình ảnh so sánh của mỗi từ

cao như..... đẹp như..... khỏe như.....
nhanh như..... chậm như..... đỏ như.....
trắng như..... xanh như..... hiền như.....

2. Viết tiếp cho trọn câu, trong đó có sử dụng hình ảnh so sánh

- a) Khi bắt chuột, con mèo nhà em chạy nhanh như.....
- b) Toàn thân nó phủ một lớp lông màu đen óng mượt như.....
- c) Đôi mắt nó tròn như.....

3. Gạch chân các từ chỉ sự vật trong câu sau

Trên đường từ trường về nhà, em đi qua khu ruộng trồng rau, hồ nuôi cá và một cây đa cổ thụ.

4. Dùng gạch chéo (/) để ngắt câu và dùng bút chì sửa những chữ viết sai chính tả trong đoạn văn sau :

Vùng đồi quê ấy dành cho cộ tôi được sống dưới mái nhà lợp cộ mát rượi tôi được ru trong lời ru ngọt ngào của mẹ lời ru đó có bao giờ tôi quên.

Ngủ đi con ngủ cho ngoan

Cọ xanh làm lọng, làm tàn chớ che

(Theo Ngô Văn Phú)

5. Cặp từ nào dưới đây là từ cùng nghĩa

- ☐ Chăm chỉ - giỏi giang
- ☐ Chăm chỉ - siêng năng
- ☐ Ngoan ngoãn – siêng năng

6. Dòng nào gồm các từ chỉ hoạt động

- ☐ Tươi, đẹp, hồng, khôn, trung thực.
- ☐ Thầy, bạn, nông dân, công nhân, bác sĩ.
- ☐ Cười, chơi, đọc, dọn dẹp, luyện tập.

7. Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu **Ai làm gì?**

- ☐ Thầy giáo lớp em là giáo viên giàu kinh nghiệm.
- ☐ Bài dạy của thầy rất sinh động.
- ☐ Trong giờ học, thầy thường tổ chức các hoạt động

8. Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu ***Ai thế nào?***

- ☐ Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ.
- ☐ Cò là học sinh giỏi nhất lớp.
- ☐ Cò đọc sách trên ngọn tre.

MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU (số 4)

A. TRẮC NGHIỆM Khoanh tròn chữ cái trước các câu trả lời đúng

1. từ chỉ người, chỉ vật có trong câu sau là:

Cái túi mẹ cho con đựng gương lược, cái hộp mẹ cho con đựng kim chỉ đâu rồi?

- a. cái túi b. mẹ c. cho d. con e. đựng
g. gương lược h. cái hộp i. kim chỉ k. đâu rồi

2. Câu có dùng phép so sánh

- a. Mặt trời như cái lò lửa khổng lồ
b. Miệng bé tròn xinh xinh
c. Hoa cau rụng trắng đầu hè.

3. Dòng nào dưới đây có từ ***như*** được dùng để so sánh

- a. Vườn của bà trồng nhiều loại rau như: cải xanh, xà lách, mướp đắng, mồng tơi,...
b. Trẻ em như búp trên cành.
c. Tôi biết nhiều câu chuyện cổ tích như: Tấm Cám, Trầu Cau, Thạch Sanh,...

4. Từ ngữ chỉ hoạt động tác động vào quả bóng để chơi đá bóng.

- a. bắt đầu b. cướp c. bấm d. dẫn e. lao g. chuyền
h. dốc i. chúi k. tông l. sút m. chạy

5. Những từ chỉ hoạt động là

- a. cộng tác b. cộng sự c. cộng đồng d. cộng hòa

6. Đọc đoạn thơ sau:

Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
Chạy như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ

Những dòng thơ có hình ảnh so sánh hoạt động với hoạt động là:

- a. dòng thứ nhất b. dòng thứ hai c. dòng thứ ba d. dòng thứ tư

7. Đọc đoạn thơ sau:

Rồi đến chị rất thương

Rồi đến em rất thảo

Ông hiền như hạt gạo

Bà hiền như suối trong

Những từ ngữ gạch dưới trong đoạn thơ trên cho biết các sự vật trong câu thơ được so sánh với nhau về đặc điểm gì?

- a. Đặc điểm màu sắc
b. Đặc điểm hình dáng
c. Đặc điểm tính nết con người
d. Đặc điểm những phẩm chất tốt

8. Các công việc em thường thấy ở nông thôn là

- a. làm ruộng b. chăn nuôi gia súc c. nuôi tằm d. dệt vải
e. đánh cá g. làm đồ gốm xây dựng nhà h. lắp ráp xe máy i. buôn bán hàng hóa

9. Từ không cùng nhóm với những từ còn lại

- a. đường phố b. quảng trường c. nhà hát
d. cánh đồng e. công viên g. đèn hiệu giao thông

10. Đọc đoạn thơ sau:

Đồng làng vương chút heo may
Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim
Hạt mưa mãi miết trồn tìm
Cây đào trước cửa lim dim mắt cười.

Dòng nào nêu đủ các sự vật được nhân hóa trong đoạn thơ trên?

- a. Đồng làng, mầm cây b. Mầm cây, hạt mưa, đồng làng
c. Mầm cây, hạt mưa, cây đào d. Đồng làng, hạt mưa, cây đào

11. Những từ không chỉ trí thức

- a. bác sĩ b. kĩ sư c. công nhân
d. bác học e. lao công

12. Những từ không chỉ trẻ em.

- a. trẻ con b. nhi đồng c. trẻ thơ
d. sinh viên e. học giả

13. Những từ chỉ tính không tốt của trẻ em.

- a. ẩu đoảng b. lễ phép c. vâng lời
d. láu táu e. chăm chỉ

14. Những từ chỉ tình cảm hoặc việc làm tốt của người lớn dành cho trẻ em.

- a. yêu mến b. tôn trọng c. nâng niu d. dạy bảo
e. chửi mắng g. chăm sóc h. quan tâm i. dọa nạt

15. Dòng ghi đúng bộ phận câu trả lời câu hỏi **là gì?** trong câu “**Thiếu nhi là măng non của đất nước**”

- a. là măng non của đất nước b. măng non của đất nước c. là măng non

16. Bộ phận gạch chân trong câu sau trả lời câu hỏi nào dưới đây?

Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh là tổ chức tập hợp và rèn luyện thiếu niên Việt Nam

- a. Bộ phận gạch dưới trả lời cho câu hỏi **Ai?**
b. Bộ phận gạch dưới trả lời cho câu hỏi **Là gì?**
c. Bộ phận gạch dưới trả lời cho câu hỏi **Làm gì?**

MÔ TẬP LÀM VĂN

I. Chia vui. Kể về anh chị

1. Chị Mai học sinh lớp 5A đoạt giải nhất cuộc thi vẽ tranh. Viết lời chúc mừng của em.

.....
.....

2. Viết khoảng 4 câu về anh (chị hoặc em) của em

.....
.....
.....
...

II. Kể về gia đình

Kể về gia đình theo gợi ý sau :

1. Gia đình em có mấy người ?
2. Bố mẹ em làm gì ?
3. Tình cảm của những người trong gia đình đối với em như thế nào ?
4. Em yêu quý những người trong gia đình em như thế nào ?

.....
.....
.....
.....
.....

CHÍNH TẢ

Dạng 1. Khoanh vào chữ cái trước những từ ngữ viết đúng (sai) chính tả:

1.

- A. hôm lợ **B. chìm nổi** C. hiền lành
D. cái nệm E. lão lức G. gương nước
H. long lanh **I. rượu nếp** **K. núc ních** L. xanh nục

2.

- A. **chung sức** B. chung thành **C. hát chèo**
D. trèo cây **E. châu báu** G. chí thức **H. ý chí**
I. chuyển nghề K. chiều đình **L. xử trí**
A. **thối sáo** **B. chim sáo** C. xẩm chớp D. sao xuyên
E. sáng suốt G. sắc xở H. xập sinh **I. dòng sông**
K. làm song **L. xấp ngựa**

3.

- A. **cơm dẻo** B. dẻo cao C. dày da **D. ra vào** E.
giống nhau G. khóc đồng **H. giảng bài** **I. gốc rễ**
K. con rùa L. tác rụng

4.

- A. Cam-pu chia B. Ma-lai-xia **C. Xin-ga-po** **D. quần soóc**
E. đàn oóc-gan G. xe rơ-móc **H. Trung Quốc** **I. Mát-xơ-va**
K. In-đô-nê-xi-a L. Thái lan

Dạng 2. Điền vào chỗ trống sao cho thích hợp

a) d hoặc r, gi

- A. ...án cá B. ...ao thừa C. ...ễ ...ãi D. ...ảng bài E. vào
...a
G. tác ...ụng H. ...ao nhau I. ...ễ cây K. ...ạy học L.
lạc ...ang

b) l hoặc n

A. ...ọ mắt B. ...ổi dậy C. ...ết na D. ...iễm vui E. ...ấp
 ...ứng
 G. náo ...ức H. ...ung linh I. ...úa nếp K. ...ức nở L.
 núi ...ở

c) ch hoặc tr

A. ...âu báu B. ...âu cày C. ...ậu nước D. ...èo tường
 E. ...ân thật
 G. cuộn ...òn H. ...ậm trễ I. ...en ...úc K. cái ...én L.
 ...í óc

d) s hoặc x

A. ...iêng năng B. nước ...ôi C. ...ăn lòng D. mắt ...áng
 E. nước chảy ...iết
 G. ...út kém H. ...ung quanh I. ...úc xích K. tối ...âm L. nhảy
 ...a

Dạng 3. Điền tiếp các từ ngữ vào chỗ trống cho phù hợp

a. Từ ngữ có vần ui	gửi quà, chửi bậy,.....
b. Từ ngữ có vần ươi	đan lưới, sưởi ấm,
c. Từ ngữ có vần iết	biết,
d. Từ ngữ có vần iếc	xiếc,
e. Từ ngữ có vần ước	bước,
g. Từ ngữ có vần uot	lượt,

Dạng 4. Điền vào chỗ trống các từ ngữ phù hợp:

a. Từ ngữ gồm 2 tiếng đều bắt đầu bằng **ch**.

M. chăm chỉ, chong chóng

.....

b. Từ ngữ gồm 2 tiếng đều bắt đầu bằng **tr**.

M. trắng trắng, trông trọt

.....

c. Từ chỉ vật, đồ vật mở đầu bằng **r**:

M. rõ

.....

c. Từ chỉ vật, đồ vật mở đầu bằng **d**:

M. da

.....
.....
c. Từ chỉ vật, đồ vật mở đầu bằng **gi**:
M. giường